TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 138/2020/DS-PT
Ngày: 28-5-2020
V/v: Tranh chấp chia thừa kế, đòi lại đất cho mượn, cho ở nhờ và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn.
Các Thẩm phán: 1/ Ông Tô Chánh Trung.
2/ Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Ông Nguyễn Trí Dũng, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 581/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp chia thừa kế, đòi lại đất cho mượn, cho ở nhờ và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất",* giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Văn H, sinh năm 1972
Địa chỉ: 265/3 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.
Người đại diện theo ủy quyền:
Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1961
Địa chỉ: 271/20 E, P.T, Q.P, Tp.HCM (có mặt)

Bị đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1967 (có mặt).
Địa chỉ: 272/3 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1/ Bà Nguyễn Thị B (Trương Thị B), sinh năm 1956
Địa chỉ: ấp Phụng An, xã B, huyện C, tỉnh D
2/ Ông Trương Ngọc T, sinh năm 1970
3/ Ông Trương Văn M, sinh năm 1975
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D
4/ Ông Trương Thành S, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp 5, xã X, huyện C, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B, ông T, ông M và ông S là ông Nguyễn Thành H (Có mặt)

5/ Bà Trương Thị Bé T, sinh năm 1987

Địa chỉ: No.16, Jalan Hulubalang 5, Taman Ungku Tun Aminahsukutai, 81300 Tohor Bahru Tohor, Malaysia.

6/ Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh D.

Địa chỉ: ấp A, thị trấn C, huyện C, tỉnh D.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Văn L, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (Có văn bản xin xét xử vắng mặt).

7/ Ông Trương Sơn E, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 265/3 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

Người giám hộ cho ông Trương Sơn E là ông Trương Văn H

8/ Ông Nguyễn C, sinh năm 1948

Địa chỉ: Ấp T, xã K, H.C, tỉnh D.

9/ Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trương Thị B (đã chết ngày 15/10/2017) Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

9.1/ Bà Lê Thị A

Địa chỉ: Ấp H, xã O, huyện Q, tỉnh M.

9.2/ Bà Lê Thị H.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

9.3/ Bà Lê Thị B1.

Địa chỉ: Ấp G, xã R, H.Trần Đề, tỉnh D.

9.4/ Ông Lê Văn T.

Địa chỉ: Ấp T, xã K, H.L, tỉnh D.

9.5/ Bà Lê Thị M, sinh năm 1967.

Địa chỉ: 272/3 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

10/ Bà Lê Thị V, sinh năm 1972

11/ Ông Trương Văn T, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: 265/3 ấp A, xã B, H.C, tỉnh D.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị V và ông Trương Văn T: Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1961 (Có mặt)

Người kháng cáo: Ông Trương Văn H là nguyên đơn trong vụ án dân sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn và lời khai của phía nguyên đơn trình bày:

Nguyên cha mẹ của ông H là ông Trương Văn L (chết ngày 22/4/1995) và bà Nguyễn Thị U (chết ngày 02/02/1982) có tất cả 07 người con gồm: Trương Văn T (chết, có vợ là bà Lê Thị M và con là Trương Thị Bé T); Trương Thị B, Trương Ngọc T, Trương Văn H, Trương Thành S, Trương Văn M và Trương Sơn E (bị thiểu năng bẩm sinh) nên ông H là người giám hộ.

Sinh thời, cha mẹ của ông có tạo lập được phần đất diện tích 8.550m^2, loại đất 2L, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D, chưa xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi cha mẹ của ông chết thì không để lại di chúc.

Năm 1994 ông Trương Văn T là người anh thứ hai lập gia đình với bà Lê Thị M, cha của ông H có cắt một phần đất khoảng 2.475m^2 để vợ chồng ông T canh tác, số còn lại anh chị em canh tác đến nay.

Khi cha của ông chết thì năm 1997 ông T tự ý làm tờ kê khai đăng ký toàn bộ diện tích đất 8.550m^2 mà không cho anh em của ông biết. Được vài tháng thì ông T chết.

Năm 2010, ông H xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới phát hiện và xảy ra tranh chấp.

Việc tranh chấp được Ủy ban nhân dân xã B hòa giải nhưng không thành. Thời gian này Bà M làm đơn cớ mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I582680, số thửa 415, tờ bản đồ số 05 do UBND huyện C cấp ngày 28/5/1997 cho ông T.

Ngày 01/6/2011 UBND xã B có công văn đến UBND huyện C đề nghị thu hồi để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T vì cấp sai đối tượng. Nhưng ngày 18/7/2011 ông H là Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường lại giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị M mượn (có giấy viết tay).

Từ đó Bà M khởi kiện ông đòi lấy lại toàn bộ diện tích đất mà ông đang canh tác (trong 8.550m^2 đất của cha mẹ). Tòa án nhân dân tỉnh D đã giải quyết và tuyên hủy quyết định thu hồi quyền sử dụng đất của ông T năm 2013.

Nay ông H yêu cầu giải quyết:

1/ Phân chia thừa kế quyền sử dụng đất do ông Trương Văn L và bà Nguyễn Thị U để lại: thửa đất số 415, tờ bản đồ số 05, diện tích 8.550m^2, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D, cụ thể chia bằng hiện vật thành 07 kỷ phần bằng nhau cho các đồng thừa kế gồm: Trương Văn T (chết, có vợ là bà Lê Thị M và con là Trương Thị Bé T), Trương Thị B, Trương Ngọc T, Trương Văn H, Trương Thành S, Trương Văn M và Trương Sơn E (bị thiểu năng bẩm sinh) nên phần của ông Trương Sơn E sẽ do ông Trương Văn H nhận và quản lý dùm nhằm để chăm sóc, nuôi dưỡng ông Trương Sơn E.

2/ Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 582680 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 28/5/1997 cho hộ ông Trương Văn T.

Theo đơn và lời khai của phía bị đơn trình bày:

Bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H và cho rằng đây là phần đất có nguồn gốc của cha chồng bà mua của ai lâu quá bà không nhớ. Đến năm 1990 mới cầm cố cho chị Lê Thị Ái H, đến năm 1992 thì Bà M chuộc lại phần đất này với giá là 07chỉ vàng với 40giạ lúa, cha chồng bà mới kêu đưa thêm 03chỉ vàng nửa thì chuyển nhượng cho bà luôn.

Sau đó cha chồng bà với chồng bà là ông T làm giấy tờ và chồng bà làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 28/5/1997 thì Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00253 cho hộ ông Trương Văn T.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà có đơn yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn H phải trả lại cho Bà M phần đất đã mượn có chiều ngang 15m, chiều dài 90m có tổng diện tích 1.350m^2 nằm trong thửa 415, tờ bản đồ số 05 có tổng diện tích là 8.550m^2, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D. Đồng thời buộc ông Trương Văn H phải tháo dở nhà và di dời đi nơi khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C có người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ông Trương Văn T, sinh năm 1966 có đứng đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất (đề ngày 07/3/1997) đối với thửa đất 415, có diện tích 8.550m^2, loại đất 2L, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp A, xã B, huyện C. Đơn đăng ký quyền sử dụng đất có xác nhận của Ban nhân dân ấp, với nội dung: Hộ ông Trương Văn T đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Hội đồng đăng ký đất đai xét duyệt thể hiện nội dung ý kiến như sau: Đất cha mẹ cho, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Việc đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 582680 cho hộ ông Trương Văn T cán bộ đăng ký dựa trên hồ sơ địa chính đo đạc thiết lập năm 1992-1994 tiến hành cho đăng ký thông qua kiểm tra xác minh đo đạc lại. về nguồn gốc sử dụng đất do Hội đồng đăng ký đất đai xã xác định là đất cha mẹ cho.

Năm 2013 Ủy ban nhân dân huyện giao Thanh tra huyện thẩm tra, xác minh việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trương Văn T. Qua thẩm tra xác minh kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Trương Văn T chưa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Việc Tòa án yêu cầu cung cấp hồ sơ thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Trương Văn T đề nghị liên hệ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh D trích lục hồ sơ theo quy định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị B, ông Trương Ngọc T, ông Trương Văn M, ông Trương Thành S, bà Lê Thị V và ông Trương Văn T có người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành H trình bày:

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2018/DS-ST ngày 16/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh D, đã tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử đối với diện tích đất 3.658,6m^2 thuộc một phần của thửa đất số 415, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần đất của ông Lê Văn C (thửa 412) có số đo 72,1m; Hướng tây giáp phần đất của ông Nguyễn C (thửa 416)có số đo 76,1m; Hướng nam giáp phần đất của ông Lê Văn T (thửa 547, 551) có số đo 49,5m; Hướng bắc giáp phần đất còn lại của thửa 415 có số đo 72,1m (Có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm).

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn H về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Trương Văn L và cụ Nguyễn Thị U theo pháp luật và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 582680 ngày 28/5/1997 do UBND huyện C cấp cho hộ ông Trương Văn T như sau:

2.1/ Xác định quyền sử dụng đất diện tích 1.982m^2, trong thửa đất số 415, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D mà nguyên đơn Trương Văn H đang quản lý sử dụng là di sản của cụ Trương Văn L và cụ Nguyễn Thị U chết để lại.

2.2/ Giao cho ông Trương Văn H thừa kế một phần quyền sử dụng đất tại thửa số 415, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 582680 ngày 28/5/1997 do UBND huyện C cấp cho hộ ông Trương Văn T với diện tích, kích thước và tứ cận như sau: Hướng đông giáp thửa đất số 414, 413 có số đo 80,88m; Hướng tây giáp phần đất của bà Lê Thị M có số đo 25,96m + 61,46m; Hướng nam giáp phần đất của thửa 415 có số đo 23m; Hướng bắc giáp đường bê tông có số đo 25,54m (Có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm). Diện tích 1.982m^2 (trong đó bao gồm luôn diện tích nền mộ là 100m^2). Ông Trương Văn H có nghĩa vụ chăm sóc các phần mộ trên đất và không được ngăn cản thân tộc trong gia đình thực hiện việc cúng viếng mộ.

2.3/ Ông Trương Văn H phải có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế có tên dưới đây:

2.3.1/ Các đồng thừa kế của ông Trương Văn T là bà Lê Thị M và bà Trương Thị Bé T số tiền 8.233.750đồng.

2.3.2/ Ông Trương Sơn E số tiền 8.233.750đồng, do ông Trương Sơn E bị thiểu năng bẩm sinh và có người giám hộ là ông Trương Văn H, nên ông Trương Văn H được đại diện nhận thay và có trách nhiệm giữ hộ số tiền thừa kế được hưởng của ông Trương Sơn E.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các ông (bà) Lê Thị M, Trương Sơn E có đơn yêu cầu Thi hành án thì nguyên đơn Trương Văn H phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả đủ số tiền nêu trên cho các ông, bà Lê Thị M và Trương Thị Bé T, Trương Sơn E theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Nếu nguyên đơn Trương Văn H không thực hiện thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 582680 ngày 28/5/1997 của UBND huyện C cấp cho hộ Trương Văn T đối với diện tích 1.982m^2 (bao gồm cả phần diện tích đất nền mộ 100m^2) thửa số 415, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D, phần đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp thửa đất số 414, 413 có số đo 80,88m; Hướng tây giáp phần đất của bà Lê Thị M có số đo 25,96m + 61,46m; Hướng nam giáp phần đất của thửa 415 có số đo 23m; Hướng bắc giáp đường bê tông có số đo 25,54m.

Ông Trương Văn H được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

3/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trương Văn H về việc yêu cầu chia di sản diện tích đất 2.493,6m^2 (đất ruộng 1.589,3m^2 cố cho ông Nguyễn C và diện tích đất vườn 904,3m^2 bị đơn Mai sử dụng), trong thửa đất số 415, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

4/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thị M về việc yêu cầu ông Trương Văn H trả lại diện tích đất 1.350m^2 (ngang 15m, dài 90m), thuộc một phần thửa 415, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D, phần đất có tứ cận: Hướng đông giáp phần đất của ông Trần Văn H được chia có số đo 90m; Hướng tây giáp thửa đất số 415 có số đo 90m; Hướng nam giáp phần đất của thửa 415 (phần đã xét xử) có số đo 15m; Hướng bắc giáp đường bê tông có số đo 15m. (Có sơ đồ kèm theo). Diện tích 1.350m^2.

5/ Chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản: Ông Trương Văn H đã tạm ứng trước với tổng số tiền 7.670.000đ. Các ông, bà có tên sau đây phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Trương Văn H chi phí đo đạc , thẩm định, định giá:

Bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Bé T liên đới phải hoàn trả số tiền 958.750đồng; Ông Trương Sơn E do người giám hộ là ông Trương Văn H phải hoàn trả số tiền 958.750đồng.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Văn H chịu số tiền 2.058.437đồng, được khấu trừ số tiền 916.000đồng tạm ứng án phí DSST theo Biên lai thu tiền số 0007662 ngày 11/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh D, như vậy ông H còn phải nộp tiếp số tiền 1.142.437đồng án phí DSST.

Bà Lê Thị M và bà Trương Thị Bé T có trách nhiệm liên đới chịu số tiền 411.687đồng về án phí DSST đối với yêu cầu tranh chấp về chia thừa kế.

Bà Lê Thị M chịu số tiền 200.000đồng về án phí DSST không giá ngạch đối với yêu cầu đòi lại đất cho mượn.

Ông Trương Sơn E do người giám hộ là ông Trương Văn H phải chịu số tiền 411.687đồng về án phí DSST đối với yêu cầu tranh chấp về chia thừa kế.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến thời hạn và quyền kháng cáo theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chia thừa kế thửa đất diện tích 8.850m^2 cho các anh em ông là hàng thừa kế thứ nhất.

Phía bị đơn đề nghị bác đơn kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu phản tố đòi lại đất của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. HCM tham gia phiên tòa cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Trương Văn H làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của đương sự:

[2.1] Các đương sự thống nhất số đo, diện tích đo đạc thực tế và giá trị tài sản theo Biên bản xem xét, thẩm định, định giá tài sản cùng ngày 25/08/2017 và sơ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp lập ngày 01/8/2018, diện tích đất theo đo đạc thực tế là 8.134,2m^2 (diện tích theo Giấy chứng nhận 8.550m^2), loại đất 2L, thửa đất số 415, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 582680 ngày 28/5/1997 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Trương Văn T.

[2.2] Đất có nguồn gốc của cụ Trương Văn L và cụ Nguyễn Thị U. Hiện phía ông H quản lý sử dụng diện tích 1.982m^2, phía Bà M quản lý sử dụng diện tích 6.189,75m^2 (trong đó có phần đất đã được giải quyết theo Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2015/DS-ST ngày 26/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh D và Bản án dân sự phúc thẩm số 236/2016/DS-PT ngày 21/9/2016 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực pháp luật là 3.658,6m^2, chỉ còn lại 6.189.75m^2 – 3.685,6m^2 = 2.504,15m^2.

[2.3] Phần diện tích đất còn lại này, phía ông H Trương Thị B, Trương Thành S, Trương Sơn E, Trương Ngọc T khai nhận "*Lúc sinh thời, năm 1994 cụ L có cắt một phần đất diện tích 2.475,7m^2 (trong đó đất vườn diện tích 780,6m^2 và đất ruộng lúa 1.695,1m^2) cho anh trai cả là Trương Văn T và vợ là bà Lê Thị M, nhưng chưa tách thửa*", Bà M sử dụng phần này, bà có cố cho ông Nguyễn C diện tích 1.589,3m^2, còn lại 904,3m^2 Bà M cất nhà ở và căn nhà tình thương của bà Ba (mẹ Bà M), trên đất có trồng cây, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất cắm ranh cọc bê tông cố định từ lâu.

[2.4] Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu diện tích đất 3.685,6m^2 vì đã được giải quyết bằng Bản án có hiệu lực pháp luật, công nhận phần diện tích đất 2.475,7m^2 thuộc vợ chồng bà ông T, Mai vì các anh em trong gia đình đã xác nhận cụ L có cho vợ chồng ông T, Bà M, hiện nay đất này đã cắm cọc phân chia ranh đất ổn định, là phù hợp với thực tế sử dụng đất và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ về nguồn gốc pháp lý.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định diện tích đất 1.982m^2 do ông H đang quản lý sử dụng là di sản thừa kế của cụ L và chia thừa kế diện tích đất này cho những người được hưởng thừa kế, là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông H khởi kiện đòi chia thừa kế toàn bộ diện tích 8.850m^2 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Tại cấp phúc thẩm, phía ông H kháng cáo, nhưng cũng không đưa ra được những tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có cơ sở để cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2.6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo, nên ông H phải chịu án phí DSPT theo luật định.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 26, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 192, Điều 217, Điều 219, Điều 470 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 32 Luật tố tụng Hành chính năm 2015.

Áp dụng Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Áp dụng các Điều 57, 58, 166, 357, 468, 609, 613, 623, 649, 650, 651, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Luật thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử đối với diện tích đất 3.658,6m^2 thuộc một phần của thửa đất số 415, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D có tứ cận như sau: Hướng đông giáp phần đất của ông Lê Văn C (thửa 412) có số đo 72,1m; Hướng tây giáp phần đất của ông Nguyễn C (thửa 416)có số đo 76,1m; Hướng nam giáp phần đất của ông Lê Văn T (thửa 547, 551) có số đo 49,5m; Hướng bắc giáp phần đất còn lại của thửa 415 có số đo 72,1m (Có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm).

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn H về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Trương Văn L và cụ Nguyễn Thị U theo pháp luật và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 582680 ngày 28/5/1997 do UBND huyện C cấp cho hộ ông Trương Văn T như sau:

2.1/ Xác định quyền sử dụng đất diện tích 1.982m^2, trong thửa đất số 415, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D mà nguyên đơn Trương Văn H đang quản lý sử dụng là di sản của cụ Trương Văn L và cụ Nguyễn Thị U chết để lại.

2.2/ Giao cho ông Trương Văn H thừa kế một phần quyền sử dụng đất tại thửa số 415, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 582680 ngày 28/5/1997 do UBND huyện C cấp cho hộ ông Trương Văn T với diện tích, kích thước và tứ cận như sau: Hướng đông giáp

thửa đất số 414, 413 có số đo 80,88m; Hướng tây giáp phần đất của bà Lê Thị M có số đo 25,96m + 61,46m; Hướng nam giáp phần đất của thửa 415 có số đo 23m; Hướng bắc giáp đường bê tông có số đo 25,54m (Có sơ đồ kèm theo Bản án sơ thẩm). Diện tích 1.982m^2 (trong đó bao gồm luôn diện tích nền mộ là 100m^2). Ông Trương Văn H có nghĩa vụ chăm sóc các phần mộ trên đất và không được ngăn cản thân tộc trong gia đình thực hiện việc cúng viếng mộ.

2.3/ Ông Trương Văn H phải có trách nhiệm hoàn trả giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế có tên dưới đây:

2.3.1/ Các đồng thừa kế của ông Trương Văn T là bà Lê Thị M và bà Trương Thị Bé T số tiền 8.233.750đồng.

2.3.2/ Ông Trương Sơn E số tiền 8.233.750đồng, do ông Trương Sơn E bị thiểu năng bẩm sinh và có người giám hộ là ông Trương Văn H, nên ông Trương Văn H được đại diện nhận thay và có trách nhiệm giữ hộ số tiền thừa kế được hưởng của ông Trương Sơn E.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các ông (bà) Lê Thị M, Trương Sơn E có đơn yêu cầu Thi hành án thì nguyên đơn Trương Văn H phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả đủ số tiền nêu trên cho các ông, bà Lê Thị M và Trương Thị Bé T, Trương Sơn E theo quy định của Luật Thi hành án dân sự. Nếu nguyên đơn Trương Văn H không thực hiện thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 582680 ngày 28/5/1997 của UBND huyện C cấp cho hộ Trương Văn T đối với diện tích 1.982m^2 (bao gồm cả phần diện tích đất nền mộ 100m^2) thửa số 415, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D, phần đất có tứ cận như sau: Hướng đông giáp thửa đất số 414, 413 có số đo 80,88m; Hướng tây giáp phần đất của bà Lê Thị M có số đo 25,96m + 61,46m; Hướng nam giáp phần đất của thửa 415 có số đo 23m; Hướng bắc giáp đường bê tông có số đo 25,54m.

Ông Trương Văn H được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

3/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trương Văn H về việc yêu cầu chia di sản diện tích đất 2.493,6m^2 (đất ruộng 1.589,3m^2 cố cho ông Nguyễn C và diện tích đất vườn 904,3m^2 bị đơn Mai sử dụng), trong thửa đất số 415, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

4/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thị M về việc yêu cầu ông Trương Văn H trả lại diện tích đất 1.350m^2 (ngang 15m, dài 90m), thuộc một phần thửa 415, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D, phần đất có tứ cận: Hướng đông giáp phần đất của ông Trần Văn H được chia có số đo 90m; Hướng tây giáp thửa đất số 415 có số đo 90m; Hướng nam giáp phần đất của thửa 415 (phần đã xét xử) có số đo 15m; Hướng bắc giáp đường bê tông có số đo 15m. (Có sơ đồ kèm theo). Diện tích 1.350m^2.

5/ Chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản: Ông Trương Văn H đã tạm ứng trước với tổng số tiền 7.670.000đ. Các ông, bà có tên sau đây phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Trương Văn H chi phí đo đạc , thẩm định, định giá:

Bà Lê Thị M, bà Nguyễn Thị Bé T liên đới phải hoàn trả số tiền 958.750đồng; Ông Trương Sơn E do người giám hộ là ông Trương Văn H phải hoàn trả số tiền 958.750đồng.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Văn H chịu số tiền 2.058.437đồng, được khấu trừ số tiền 916.000đồng tạm ứng án phí DSST theo Biên lai thu tiền số 0007662 ngày 11/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh D, như vậy ông H còn phải nộp tiếp số tiền 1.142.437đồng án phí DSST.

Bà Lê Thị M và bà Trương Thị Bé T có trách nhiệm liên đới chịu số tiền 411.687đồng về án phí DSST đối với yêu cầu tranh chấp về chia thừa kế.

Bà Lê Thị M chịu số tiền 200.000đồng về án phí DSST không giá ngạch đối với yêu cầu đòi lại đất cho mượn.

Ông Trương Sơn E do người giám hộ là ông Trương Văn H phải chịu số tiền 411.687đồng về án phí DSST đối với yêu cầu tranh chấp về chia thừa kế.

7/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Văn H chịu số tiền 300.000đồng, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0004439 ngày 29/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh D, như vậy ông H đã nộp xong án phí DSPT.

8/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

9/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh D.
- Tòa án nhân dân tỉnh D.
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh D.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án.

LÊ HOÀNG TẤN